

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 368 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000
Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số: 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013; 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch xây dựng; 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 (viết tắt là QHC đô thị Bắc Ninh);

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh số: 05/2021/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc phân công phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh; 367/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14);

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại: Báo cáo thẩm định số 56/BCTĐ-SXD ngày 11/3/2024; Văn bản số 1357/SXD-QH ngày 25/6/2024 về việc hoàn thiện Hồ sơ Đề án điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14);

Căn cứ Kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về các nội dung họp ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại Thông báo số 07-TB/BCSD ngày 12/3/2024;

Căn cứ Kết luận tại Phiên họp chuyên đề UBND tỉnh theo Thông báo số 34/TB-UBND ngày 18/3/2024;

Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 1138-KL/TU ngày 16/7/2024 về Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14); Văn bản số 398-CV/BCSD ngày 18/7/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 1138-KL-TU ngày 16/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch Thuộc Toàn bộ ranh giới phường Hòa Long và một phần diện tích các phường: Vạn An, Kinh Bắc, Vũ Ninh, Thị Cầu và Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh. Phạm vi ranh giới quy hoạch: Phía bắc và phía đông giáp sông Cầu; Phía tây giáp phường Khúc Xuyên; Phía nam giáp các phường: Tiên An, Kinh Bắc, Suối Hoa, Thị Cầu, Kim Chân, vị trí và ranh giới cụ thể theo hồ sơ bản vẽ quy hoạch kèm theo.

b) Quy mô quy hoạch

- Quy mô đất đai: Khoảng 1.546,32 ha.
- Quy mô dân số: 157.550 người, trong đó dân số hiện trạng khoảng 51.010 người, dân số dự kiến phát triển mới khoảng 106.540 người.

2. Mục tiêu, tính chất:

a) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa những định hướng của đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023.
- Đề xuất các giải pháp quy hoạch phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển thành phố Bắc Ninh đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật, có tính đồng bộ, hiệu quả trong sử dụng đất, cơ sở kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật.
- Tạo lập hình ảnh khu vực phát triển tổng hợp, có chất lượng hạ tầng và dịch vụ tốt; gắn kết các không gian cảnh quan giữa khu vực phát triển mới và khu vực dân cư hiện hữu, hài hòa với cảnh quan tự nhiên, các di tích lịch sử văn hóa, gìn giữ không gian làng xóm truyền thống có giá trị.
- Hình thành nên hệ thống các công trình phục vụ phát triển đô thị, dịch vụ, văn hóa, và các khu dân cư cùng với các khu vực chức năng bổ trợ theo quy hoạch cấp trên đã xác định; bố trí, thiết lập các quỹ đất thích hợp cho khai thác phát triển các khu chức năng, hình thành hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nhu cầu sử dụng.
- Làm cơ sở pháp lý để triển khai lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng và kiểm soát phát triển khu vực theo quy hoạch.

b) Tính chất: Là khu đô thị mới đảm bảo tiêu chí hiện đại, sinh thái và thông minh, đáp ứng các tiêu chuẩn của đô thị loại I, bố trí đầy đủ các công trình cấp đô thị cho khu vực.

3. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng khu quy hoạch: Khu quy hoạch có điều kiện thuận lợi về vị trí, nhiều tuyến đường quan trọng đi qua, hiện trạng chủ yếu là dân cư hiện trạng và đất ruộng, địa hình bằng phẳng, nền địa chất ổn định, thuận lợi cho phát triển dự án.

4. Phân khu chức năng, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

a) Phân khu chức năng: Phân khu số 14 chia thành 06 tiểu khu

- Tiểu khu 1: Thuộc địa giới phường Hòa Long; diện tích khoảng 293,61 ha; dân số dự kiến khoảng 28.934 người với tính chất, chức năng chủ yếu:

+ “Khu bảo tồn văn hóa quan họ cổ “ với khu thủy tổ quan họ và nhà hát quan họ Bắc Ninh. Tiểu khu này có nhiều đình đền chùa cấp quốc gia nên được quy hoạch nhiều công viên cây xanh, bãi đỗ xe lớn.

+ Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các công trình giáo dục, bổ sung các khu trung tâm các khu phố như cây xanh công viên, nhà văn hóa sân thể thao phục vụ nhu cầu cho các khu vực dân cư hiện hữu.

- Tiểu khu 2: Thuộc phường Hòa Long; diện tích khoảng 359,66 ha; dân số dự kiến khoảng 31.764 người với tính chất, chức năng chủ yếu:

+ “Khu thể dục thể thao và đô thị sinh thái “ với khu thể dục thể thao khoảng 90ha và khu nhà ở mật độ thấp ven kênh, dọc theo con đường gió và nước tạo nên đô thị sinh thái; trung tâm hành chính, chính trị của phường Hòa Long. Phát triển các khu đô thị hỗn hợp cao tầng dọc đường ĐT.295C và đường Lạc Long Quân kéo dài.

+ Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các công trình giáo dục, mở rộng, bổ sung các khu trung tâm các khu phố như cây xanh công viên, nhà văn hóa sân thể thao phục vụ nhu cầu cho các khu vực dân cư hiện hữu.

- Tiểu khu 3: Thuộc phường Hòa Long; diện tích khoảng 264,78 ha; dân số dự kiến khoảng 23.743 người, với tính chất, chức năng chủ yếu:

+ “Khu đô thị lõi và trung tâm hành chính”, có khu Trung tâm hành chính của thành phố. Đô thị nén, tập trung, tổ hợp các công trình cao tầng, kiến trúc lớn, hiện đại, biểu tượng của đô thị dọc tuyến đường ĐT.295C. Phát triển các khu thương mại, dịch vụ tổng hợp, đầu mối hạ tầng, giao thông cấp vùng.

+ Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các công trình giáo dục, mở rộng, bổ sung các khu trung tâm các khu phố như cây xanh công viên, nhà văn hóa sân thể thao phục vụ nhu cầu cho các khu vực dân cư hiện hữu.

- Tiểu khu 4: Thuộc phường Vạn An và Kinh Bắc; diện tích khoảng 218,54 ha; dân số dự kiến khoảng 27.224 người với tính chất, chức năng chủ yếu: “Khu đô thị mới và hiện trạng cải tạo “ cải tạo hiện trạng khu dân cư cũ phường Vạn An và phường Kinh Bắc; Công viên Vạn An và Trạm xử lý nước thải Bắc Ninh 2 nằm ở phường Vạn An.

- Tiểu khu 5: Thuộc phường Vũ Ninh; diện tích khoảng 260,29 ha; dân số dự kiến khoảng 31.754 người, với tính chất, chức năng chủ yếu:

+ “Khu đô thị mới sinh thái và công viên hồ nước”, khu đô thị mới xen kẽ mặt nước tạo không gian sống sinh thái; khu quảng trường trung tâm và trung tâm thương mại dọc trục đường H và khu vực có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh.

+ Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các công trình giáo dục, mở rộng, bổ sung các khu trung tâm các khu phố như cây xanh công viên, nhà văn hóa sân thể thao phục vụ nhu cầu cho các khu vực dân cư hiện hữu.

- Tiểu khu 6: Thuộc các phường Vũ Ninh, Đáp Cầu, Thị Cầu; diện tích khoảng 149,44 ha, dân số dự kiến khoảng 14.133 người, với tính chất, chức năng chủ yếu:

+ “Khu Bảo tồn văn hóa đền bà chúa kho”; các khu vực đền, đình, chùa cấp quốc gia như Đền Bà Chúa kho; được quy hoạch nhiều công viên cây xanh, bãi đỗ xe phục vụ lễ hội.

+ Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các công trình giáo dục; mở rộng, bổ sung các khu trung tâm các khu phố như cây xanh công viên, nhà văn hóa, sân thể thao phục vụ nhu cầu cho các khu vực dân cư hiện hữu.

b) Bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội:

- Phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà cho thuê, nhà ở thu nhập thấp gần các khu vực phát triển công nghiệp, khu đô thị mới hài hòa với tổng thể đô thị.

- Các khu nhà ở xã hội khác sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, đảm bảo quy mô, diện tích theo quy định.

- Trường hợp khi triển khai đầu tư xây dựng dự án các khu đô thị, khu nhà ở thương mại tại các khu vực được quy hoạch là đất nhóm nhà ở mới (tầng cao tối đa 7 tầng), nếu theo quy định của pháp luật phải đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thì quy mô các khu nhà ở xã hội khác sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết, đồng thời chiều cao tầng đối với nhà ở xã hội được quy định tối đa 25 tầng.

c) Quy hoạch tái định cư:

- Bố trí các quỹ đất tái định cư phân tán theo địa bàn từng địa phương khi thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật, các dự án tái thiết đô thị, quy hoạch cải tạo, chỉnh trang đô thị.

- Thống kê, xác định tổng quy mô diện tích đất phải đền bù, giải phóng mặt bằng tương ứng quỹ đất cần bố trí tái định cư, đảm bảo tương ứng về vị trí và điều kiện hạ tầng kỹ thuật.

e) Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Không gian chủ đạo:

+ Phân khu 14 được định hướng là không gian, kiến trúc, cảnh quan theo mô hình “đô thị sinh thái”, với nhiều công viên cây xanh và hồ nước lớn, có chức năng làm mát cho đô thị; không khí được làm mát bởi cây xanh và mặt nước, lan tỏa ra toàn đô thị phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn của người dân; tạo môi trường cho con người giao lưu với mặt nước và cây xanh, được tiếp xúc trực tiếp với thiên nhiên và hệ sinh thái tự nhiên.

+ Đô thị có cảnh quan xanh - sạch - đẹp phù hợp với ý tưởng “đô thị văn hóa”.

Không gian xanh sẽ được hoàn thiện theo thời gian và tạo cảnh quan mang tính biểu tượng của khu vực, làm cho con người có thể cảm nhận sự chuyển mùa từ cảnh quan cây xanh, mặt nước.

+ Quy hoạch con đường văn hóa xuyên qua khu vực trung tâm là con đường biểu tượng kết nối các di tích văn hóa nằm lân cận công viên văn hóa và khu quy hoạch cho mọi người tự do đi dạo bộ trên đường dọc sông.

+ Quy hoạch trung tâm thể dục thể thao, hội nghị, giới thiệu văn hóa, lịch sử của Bắc Ninh có địa điểm ven hồ kết hợp với công trình vui chơi giải trí sẽ trở thành những địa điểm du lịch văn hóa Bắc Ninh.

+ Bố trí công trình tổ hợp thương mại, dịch vụ vui chơi giải trí, chiếu phim ven hồ nước, gần công viên văn hóa và khu du lịch sinh thái lịch sử. Quy hoạch tái hiện lại một phần tuyến phố lịch sử với cảnh quan làng xóm hiện hữu với sự kết hợp tự nhiên ven mặt nước và lịch sử văn hóa Bắc Ninh.

+ Bố trí kênh nước và các tuyến đi bộ để kết nối các khu vực với các công trình lịch sử - văn hóa lân cận, quy hoạch “con đường gió và nước”.

- Tổ chức không gian theo chiều ngang: Mô hình cấu trúc phát triển là hình thành các khu vực đô thị tập trung, hạt nhân là các không gian trung tâm công cộng đô thị gắn với các tổ hợp công trình đa năng, quảng trường, chức năng dịch vụ, nhà ở, phát triển các đô thị theo các tiêu chí:

+ Đô thị thông minh, hiện đại với các dịch vụ kỹ thuật số về xã hội, chăm sóc sức khỏe và tiêu dùng phục vụ người dân, cộng hưởng mạnh mẽ với thiết bị điện tử.

+ Đô thị với không gian sống lý tưởng, khai thác yếu tố văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể với các công trình di tích văn hóa lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề, không gian các làng xóm truyền thống. Phát triển hệ thống các công trình thiết chế văn hóa với kiến trúc hiện đại kết hợp với truyền thống, thu hút các hoạt động, sự kiện văn hóa quốc gia, quốc tế, từng bước phát triển Bắc Ninh trở thành điểm đến văn hóa của vùng.

+ Đô thị xanh và bền vững với kinh tế tuần hoàn để quản lý hiệu quả năng lượng, nguồn nước và chất thải, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo và tận dụng vùng địa hình thấp có hệ thống kênh nông nghiệp. Tận dụng địa hình tự nhiên, quy hoạch các khu công viên cây xanh, hồ cảnh quan và mặt nước theo mô hình “con đường gió và nước” kết nối với không gian sông Cầu phát triển thành phố sinh thái.

+ Phát triển đô thị theo mô hình cấu trúc tập trung với các trung tâm dịch vụ công cộng lớn, đa năng. Phát triển đô thị hài hòa giữa phát triển mới và cải tạo hiện trạng, đặc biệt quan tâm tới cải tạo, chỉnh trang, bảo vệ các không gian làng xóm truyền thống có giá trị, bảo tồn tối đa các không gian công cộng truyền thống trong cộng đồng.

- Tổ chức không gian theo chiều đứng:

+ Khu vực trung tâm dọc trục đường Lạc Long Quân, đường H và ĐT.295C là những trọng tâm, trọng điểm để quy hoạch đồng bộ, tập trung hình thành đô thị nén, phát triển cao tầng tạo điểm nhấn không gian đô thị ở phía tây bắc thành phố. Phát triển hạ tầng giao thông thông minh (giao thông ngầm, giao thông trên cao,...) và hệ

thống ga TOD kết hợp không gian ngầm và các trung tâm dịch vụ làm trọng tâm phát triển các khu vực đô thị mới.

+ Hành lang sinh thái dọc sông Cầu được tạo lập từ các cảnh quan sinh thái tự nhiên gắn với bảo tồn các không gian văn hóa, lịch sử, làng xóm hiện có cung cấp các dịch vụ sinh thái cho các khu vực phát triển đô thị.

+ Đối với các khu vực phải bố trí nhà ở xã hội trong các giai đoạn sau thì chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc (tầng cao, hệ số sử dụng đất...) sẽ được xác định chính xác trên cơ sở quy mô dân số, phù hợp với nhu cầu thực tế và tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Chức năng sử dụng của ô đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất (A) + (B)	1546,32	100,00
A	Đất xây dựng đô thị	1390,6	89,93
1	Đất công cộng đô thị	1,96	0,13
2	Đất nhóm nhà ở	450,58	29,14
2.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	259,84	
2.2	Đất nhóm nhà ở đã phê duyệt QHCT	47,84	
2.3	Đất nhóm nhà ở tái định cư	16,33	
2.4	Đất nhóm nhà ở quy hoạch mới	126,57	
a	Nhóm nhà ở mới	106,85	
b	Nhóm nhà ở xã hội	19,72	
3	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	65,61	4,24
4	Y tế	16,23	1,05
4.1	Y tế cấp đô thị (Bệnh viện - Trung tâm y tế,...)	13,05	
4.2	Y tế đơn vị ở (Trạm y tế)	3,18	
5	Văn hóa	17,78	1,15
5.1	Văn hóa cấp đô thị	5,05	0,33
5.2	Văn hóa đơn vị ở	12,73	0,82
6	Thể dục thể thao	89,18	5,77
6.1	Thể dục thể thao cấp đô thị	70,62	
6.2	Thể dục thể thao đơn vị ở	18,56	
7	Giáo dục	33,77	2,18
7.1	Giáo dục cấp đô thị	0,95	0,06
a	Trường THPT	0	
b	Trường liên cấp và giáo dục khác	0,95	
7.2	Giáo dục đơn vị ở	31,87	2,06
a	Trường mầm non	10,48	

b	Trường tiểu học	11,94	
c	Trường THCS	9,45	
8	Cây xanh sử dụng công cộng	184,19	11,10
8.1	Cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	78,74	
	Mặt nước quy hoạch cấp đô thị (đã quy đổi)	34,52	
8.2	Cây xanh sử dụng công cộng đơn vị ở	58,39	
8.3	Mặt nước quy hoạch cấp đơn vị ở (đã quy đổi)	12,54	
9	Cây xanh sử dụng hạn chế (đất cây xanh công viên chuyên đề)	63,48	4,11
10	Cây xanh chuyên dụng	21,85	1,41
10.1	Cây xanh chuyên dụng cấp đô thị (đất vườn ươm, nghiên cứu, cách ly)	2,47	
10.2	Cây xanh chuyên dụng đơn vị ở (đất vườn ươm, nghiên cứu, cách ly)	19,38	
11	Sản xuất, kho bãi	0	0,00
11.1	Sản xuất, kho bãi cấp đô thị (Khu công nghiệp)	0	
11.2	Sản xuất, kho bãi đơn vị ở (Cụm công nghiệp)	0	
12	Đào tạo, nghiên cứu	1,73	0,11
13	Cơ quan, trụ sở	27,88	1,80
13.1	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	25,06	
13.2	Cơ quan, trụ sở đơn vị ở	2,62	
14	Khu dịch vụ (không bao gồm dịch vụ du lịch)	33,37	2,16
14.1	Khu dịch vụ cấp đô thị (Chợ trung tâm - Hỗn hợp không ở)	14,81	
14.2	Khu dịch vụ đơn vị ở (Chợ)	18,56	
15	Khu dịch vụ - du lịch	0	0,00
16	Di tích, tôn giáo	9,28	0,60
16.1	Di tích, tôn giáo cấp đô thị (cấp Quốc gia)	6,02	
16.2	Di tích, tôn giáo đơn vị ở (cấp tỉnh, ...)	2,61	
16.3	Di tích, tôn giáo khác	0,65	
17	An ninh	0,6	0,04
18	Quốc phòng	49,79	3,22
19	Đường giao thông	259,1	16,76
20	Bãi đỗ xe	32,59	2,11
20.1	Bãi đỗ xe cấp đô thị (Bến xe - Bãi xe chung)	0	
20.2	Bãi đỗ xe đơn vị ở	32,59	
21	Nghĩa trang (bao gồm nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng)	15,56	1,01
21.1	Nghĩa trang cấp đô thị	3,27	
21.2	Nghĩa trang đơn vị ở (cải tạo, chỉnh trang)	12,29	
22	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác	28,61	1,85

B	Đất khu chức năng khác	155,72	10,07
1	Đất sản xuất nông nghiệp	14,64	0,95
2	Đất lâm nghiệp	1,81	0,12
2.1	Rừng sản xuất	0	
2.2	Rừng phòng hộ	1,81	
2.3	Rừng đặc dụng	0	
3	Hồ, ao, đầm	49,36	3,19
4	Sông, suối, kênh, rạch	88,82	5,74
5	Đất khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD	1,09	0,07
6	Đất chưa sử dụng	0	0,00

6. Thiết kế đô thị và quy định quản lý:

a) Thiết kế đô thị:

+ Đối với khu trung tâm hành chính cấp phân khu và cấp khu: Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội xây dựng tập trung; hợp khối, xây dựng nhiều tầng để tiết kiệm quỹ đất và dành diện tích đất cho không gian mở.

+ Đối với các công trình công cộng dịch vụ và các hạng mục công trình phụ trợ, hình thức kiến trúc của các công trình theo hướng kết hợp môi trường thiên nhiên, thân thiện.

+ Đối với các khu vực cửa ngõ, các nút giao của các trục đường đô thị như đường H, ĐT.295C, đường Lạc Long Quân cần bố trí các công trình mang tính biểu tượng thể hiện nét đặc trưng của phân khu và từng khu.

+ Đối với các khu vực trung tâm thương mại dịch vụ: Việc bố cục hình khối kiến trúc cần lưu ý việc liên kết hình thành tổ hợp không gian.

+ Đối với phạm vi ven sông Cầu: Cần lưu ý đảm bảo các yếu tố về cảnh quan đô thị, bố trí các dãy cây xanh ven sông, ven hồ nhằm thu hút thị giác.

+ Đối với hệ thống cây xanh: Hệ thống cây xanh hè phố, cây xanh công trình, cây xanh công viên tập trung tổ chức gắn liền và liên tục thành dãy.

- Các công trình điểm nhấn: Bố trí công trình điểm nhấn ven trục đô thị, ven kênh, hồ tạo cảnh quan kiến trúc đặc trưng cho khu đô thị mới xứng tầm với đô thị loại I trong tương lai. Các công trình điểm nhấn được bố trí trong khu quy hoạch như sau:

+ Điểm nhấn công trình kiến trúc cao tầng: Trung tâm hành chính Thành phố Bắc Ninh Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ đường H.

+ Điểm nhấn sầm uất, giao lưu, là nơi tập trung các hoạt động, giao lưu khu hỗn hợp thương mại dịch vụ đường H, quảng trường ven hồ, khu thương mại dịch vụ ven kênh.

+ Điểm nhấn thiên nhiên, cây xanh: Hồ mặt gương và hồ điều hòa nối với nhau bằng "Con đường gió và nước".

+ Điểm nhấn lịch sử, văn hóa: Khu phức hợp thể dục thể thao, hội nghị, khách sạn, vui chơi giải trí tại khu vực Hòa Long, khu Thủy tổ Quan họ.

- Trục đô thị: Đô thị nén, tập trung, tổ hợp các công trình cao tầng tối đa 45 tầng, kiến trúc lớn, hiện đại, biểu tượng cho đô thị dọc các tuyến đường ĐT.295C, Đường H, đường Lạc Long Quân.

b) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Được thẩm định, ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

* Giao thông đường sắt:

- Tuyến Hà Nội - Lạng Sơn (tuyến đường hiện trạng cải tạo nâng cấp)

- Tuyến đường sắt đô thị: Tuân thủ quy hoạch chung, dọc theo đường Lạc Long Quân, ĐT.295C đi ngầm và đi trên cao; bố trí các ga ngầm và trên không (được xác định cụ thể trong bước triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư).

* Giao thông đường thủy:

Sông Cầu bao quanh từ phía tây bắc đến phía đông bắc khu quy hoạch, hiện tại tuyến sông này chủ yếu là khai thác vận tải hàng hóa với các bãi tập kết vật liệu xây dựng tại khu vực Đáp Cầu, Thị Cầu. Đề xuất cải tạo chỉnh trang 2 bên bờ sông, quy hoạch các bến thuyền phát triển du lịch

* Giao thông đối ngoại:

- Các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ: Tuyến đường cao tốc QL.1A (Hà Nội - Lạng Sơn) có ý nghĩa chiến lược; mặt cắt hiện tại khoảng 32,0m, quy hoạch chung xác định mặt cắt rộng 120,0m gồm (đường chính, đường sắt, đường bộ song hành).

- Các tuyến đường tỉnh:

+ Đường ĐT.295B kết nối với Hà Nội, Bắc Giang, mặt cắt ngang từ 20m÷51m; đoạn nằm trong phân khu 14 có mặt cắt rộng 25,0m = 15,0m (lòng đường) + 2x5,0m (hè đường, có thể thay đổi theo thực tế).

+ Đường ĐT.295C mặt cắt rộng 48,5m = 2x10,5m (lòng đường chính) + 2x0,5m (dải phân cách phụ) + 2x7m (lòng đường gom) + 2x5,0m (hè đường) + 2,5m (dải phân cách giữa).

+ Đường ĐT.279 mặt cắt rộng 22,0m = 12,0m (lòng đường) + 2x5,0m (hè đường, có thể thay đổi theo thực tế).

+ Đường ĐT.286 (đường Thiên Đức) mặt cắt rộng 22,5m = 12,5m (lòng đường) + 2x5,0m (hè đường, có thể thay đổi theo thực tế).

* Giao thông đối nội:

+ Mặt cắt 1-1 (đường H) rộng 100,0m = 2x14,0m (lòng đường chính) + 2x2,5m (dải phân cách phụ) + 2x9,5m (lòng đường gom) + 2x13,0m (hè đường) + 22,0m (dải phân cách giữa).

+ Mặt cắt 2-2 rộng 40,0m = 2x10,5m (lòng đường) + 3,0m (dải phân cách giữa) + 2x8m (hè đường).

+ Mặt cắt 3-3 rộng $35,0\text{m} = 2 \times 10,5\text{m}$ (lòng đường) + $2,0\text{m}$ (dải phân cách giữa) + $2 \times 6\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 4-4 rộng $32\text{m} = 18,0\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 7,0\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 5-5 rộng $35,5\text{m} = 2 \times 10,5\text{m}$ (lòng đường) + $3,5\text{m}$ (dải phân cách giữa) + $2 \times 4\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 6-6 rộng $27\text{m} = 15,0\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 6,0\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 7-7 rộng $25\text{m} = 15,0\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 5,0\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 8-8 rộng $22\text{m} = 11,0\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 5,5\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 9-9 rộng $22\text{m} = 12,0\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 5,0\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 10-10 rộng $22,5\text{m} = 10,5\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 6,0\text{m}$ (hè đường).

+ Mặt cắt 11-11 rộng $20,5\text{m} = 10,5\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 5,0\text{m}$ (hè đường).

+ Các đường cấp nội bộ rộng tối thiểu $15,5\text{m} = 7,5\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 4,0\text{m}$ (hè đường); cải tạo chỉnh trang các tuyến đường trong khu dân cư hiện trạng.

+ Mặt cắt đường đê sông Cầu rộng trung bình $22,0\text{m} = 12,0\text{m}$ (lòng đường) + $2 \times 5,0\text{m}$ (hè đường), đoạn qua dân cư mở rộng lòng đường tối thiểu $10,5\text{m}$, vỉa hè từ $1,0\text{m} \div 5,0\text{m}$.

- Bãi đỗ xe:

+ Bên, bãi đỗ xe cấp đô thị thực hiện theo quy hoạch chung.

+ Các bãi đỗ xe cấp đơn vị ở được quy hoạch phân tán theo từng đơn vị ở, đảm bảo phù hợp với bán kính phục vụ theo từng cấp đơn vị ở, nhóm nhà ở, tổng chỉ tiêu đất bãi đỗ xe tiếp tục được bố trí ở bước lập quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư đảm bảo đáp ứng nhu cầu, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn. Đề xuất xây dựng các bãi đỗ xe ngầm (tối đa 5 tầng hầm) và cao tầng (từ 2-5 tầng), đảm bảo nhu cầu đỗ xe trong khu quy hoạch.

+ Đối với đất bãi đỗ xe trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết cần quy hoạch bổ sung để đảm bảo tổng chỉ tiêu bãi đỗ xe của đồ án đạt tối thiểu $4\text{m}^2/\text{người}$ (quy định chỉ tiêu bãi đỗ xe trong quy hoạch chi tiết đối với từng tiểu khu được cụ thể trong quy định quản lý, thuyết minh quy hoạch).

+ Đối với các khu vực dân cư hiện trạng hiện hữu: Cải tạo các ngõ ngách hiện có và mở rộng một số tuyến đường đi qua các khu vực có mật độ xây dựng thấp, ngoài ra bố trí các vị trí điểm quay xe, bãi đỗ xe phục vụ cứu thương, cứu hỏa, tập kết rác và cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Được thể hiện trên bản đồ quy hoạch mạng lưới giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch san nền

+ Khu vực hiện trạng giữ nguyên cao độ nền của các công trình, từng bước tôn nền các khu vực thấp trũng, ngập úng cục bộ đến cao độ xây dựng tối thiểu đã

được khống chế theo đồ án quy hoạch chung.

+ Cao độ khống chế tại các nút giao thông tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt. Cốt cao độ thiết kế đảm bảo vượt nổi hài hòa, êm thuận với các tuyến đường giao thông hiện trạng và khu vực dân cư hiện hữu.

+ Cao độ xây dựng đô thị $H_{xd} \geq 4,5m$. Các khu quy hoạch công viên cây xanh tận dụng tối đa địa hình tự nhiên hạn chế đào đắp, đất đào hồ nước được tận dụng toàn bộ để đắp cho các khu vực trồng cây xanh....

- Quy hoạch thoát nước mặt:

+ Thiết kế hệ thống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy. Toàn bộ khu vực lập quy hoạch được chia ra làm các lưu vực thoát nước nhỏ. Nước mặt từ các khu nhà ở, khu công cộng, cây xanh... được thu vào hệ thống cống thoát nước trên các tuyến đường giao thông và dẫn về hệ thống kênh tiêu thoát trong khu vực.

+ Hướng thoát ra sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, được phân chia thành các lưu vực thoát nước nhỏ nhằm hạn chế san lấp. Các tuyến kênh chính được cải tạo mở rộng, điều chỉnh tuyến cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông của đồ án và tận dụng các ao hồ trong khu vực để thoát nước, điều hòa nước kết hợp với tạo cảnh quan đô thị, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Các công trình đầu mối như các tuyến kênh tiêu, trạm bơm tiêu được cải tạo mở rộng, nâng công suất cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông của đồ án.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước nhà máy nước Bắc Ninh, nhà máy nước mặt sông Đuống, sông Cầu, nhà máy nước ngầm Bắc Ninh.

- Cấp nước chữa cháy: Các họng cứu hỏa được bố trí dọc các đường ống cấp nước, tại các điểm thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước. Khoảng cách giữa hai trụ cứu hỏa 150m.

- Tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2045 khoảng $40.000m^3/ngày$ đêm (không bao gồm cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp).

d) Quy hoạch cấp điện:

+ Nguồn cấp điện cho phân khu 14 được cấp từ các trạm biến áp 110kV sau: (1) Trạm biến áp 110kV TP.Bắc Ninh hiện có, công suất 2x63MVA; (2) Trạm biến áp 110kV Võ Cường hiện có, công suất 2x63MVA; (3) Trạm biến áp 110kV Đại Kim dự kiến, công suất 2x63MVA; (4) Trạm biến áp 110kV Bắc Ninh 2 dự kiến, công suất 2x63MVA.

+ Lưới điện trung thế: Các tuyến đường dây hiện có sẽ được cải tạo, nâng tuyến cho phù hợp với quy hoạch giao thông. Xây dựng mới tuyến đường dây 22kV từ các trạm 110kV kết nối với tuyến đường dây hiện có tạo thành mạch vòng để cấp nguồn cho các trạm biến áp trong khu vực.

+ Lưới điện hạ thế và trạm: Lưới điện hạ thế được thiết kế hình tia, đối với các phụ tải tại khu vực có yêu cầu đặc biệt cần thiết kế mạch vòng. Phát triển

thêm các trạm biến áp hạ thế để đáp ứng phụ tải của khu vực. Bán kính cấp điện của mỗi trạm trên lưới <300m.

+ Chiều sáng giao thông đô thị: Đảm bảo các chức năng về chiều sáng, định vị, dẫn hướng cho các đối tượng tham gia giao thông hoạt động an toàn về ban đêm. Các chỉ tiêu định lượng, chất lượng chiều sáng bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật về chiều sáng đô thị Quy định cho từng loại công trình giao thông.

- Hệ thống cấp năng lượng khác:

+ Bố trí quỹ đất cho các cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định theo nhu cầu của đô thị. Diện tích đất tối thiểu của cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định quy hoạch mới tuân thủ quy chuẩn QCVN 01:2020/BCT của Bộ Công thương.

+ Bố trí các trạm sạc điện thông minh cho xe máy điện và ô tô điện theo nhu cầu của đô thị. Các trạm sạc điện có thể đặt kết hợp trong cây xăng, bãi đỗ xe ngoài trời, trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe của các trung tâm thương mại, công cộng, chung cư,... Trạm sạc điện nên thiết kế và lắp đặt để sử dụng chung cho các hãng xe, phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn điện và các quy định về phòng cháy chữa cháy.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc: Quy hoạch sơ bộ giải pháp thiết kế mạng điện thoại bên ngoài công trình của khu vực bao gồm: Xác định vị trí, dung lượng tổng đài; hướng tuyến cáp quang. Các thuê bao và mạng cáp thuê bao sẽ được thiết kế bổ sung ở giai đoạn sau. Vị trí các tuyến cáp và tủ cáp, hộp cáp trong quy hoạch phân khu chỉ là có tính chất gợi ý, sẽ được xác định cụ thể theo quy hoạch chung của ngành.

f) Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt dự kiến khoảng 26.000m³/ngày đêm.

- Hệ thống thoát nước thải được định hướng thu gom và vận chuyển về 02 trạm xử lý nước thải Bắc Ninh 1 tại khu vực Kim Chân, công suất 70.000m³/ngày đêm; trạm xử lý nước thải Bắc Ninh 2 tại khu vực Vạn An công suất 30.000m³/ngày đêm.

- Nước thải từ các khu, cụm công nghiệp được xử lý cục bộ theo tiêu chuẩn có thể xả vào hệ thống xử lý nước thải chung để xử lý triệt để hoặc xả vào hệ thống thoát nước mưa hoặc sông hồ nếu đạt tiêu chuẩn xả thải hiện hành cho phép.

g) Quy hoạch chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 204,82 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn sẽ được phân loại tại nguồn thải và được thu gom theo tiêu chuẩn nhằm giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn.

- Phương án tổ chức thu gom và xử lý: Trong khu vực thiết kế có quy hoạch các điểm tập kết chất thải rắn. Toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trên địa bàn sẽ được thu gom, vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải tại Phù Lãng. Chất thải nguy hại xử lý bằng lò đốt riêng, đạt tiêu chuẩn.

h) Quy hoạch nghĩa trang: Đối với các nghĩa trang hiện trạng sử dụng đến khi hết phần diện tích thì đóng cửa kết hợp trồng cây xanh bao quanh khuôn viên, định hướng cải tạo thành nghĩa trang công viên; Sử dụng các nghĩa trang tập trung mới

theo quy hoạch.

i) Quy hoạch không gian ngầm

Công trình công cộng, dịch vụ ngầm

- Về cơ bản định hướng bố trí hệ thống công trình ngầm phụ vụ thương mại dịch vụ kết hợp các đầu mối công trình hạ tầng giao thông cấp vùng.

- Các công trình công cộng, dịch vụ ngầm được xây dựng sẽ tập trung ở khu vực trung tâm đô thị, nơi có mật độ xây dựng cao, lượng dân cư lớn; công trình giao thông ngầm.

Công trình giao thông ngầm

- Các loại hình giao thông ngầm dự kiến nghiên cứu bao gồm: Hàm đường bộ và đường sắt đô thị, Bãi đỗ xe ngầm trong các công trình công cộng, dịch vụ, công viên, quảng trường.

- Trong quá trình phát triển đô thị nếu các công trình công cộng ngầm được xây dựng, để thuận tiện hơn trong việc đỗ xe có thể sẽ phát sinh nhu cầu xây dựng bãi đỗ xe ngầm.

- Hàm dành cho người đi bộ ngầm: Tại các nút giao thông, thiết kế đường đi bộ qua đường giao cắt cùng mức hoặc dạng cầu vượt với đường xe cơ giới sẽ được ưu tiên. Xây dựng hầm đi bộ ngầm tại một số nút giao thông chính khu vực có mật độ xây dựng cao, tạo cảnh quan thông thoáng cho không gian khu trung tâm, đồng thời tăng khả năng kết nối với các công trình ngầm khác. Các khu vực dự kiến xây dựng công trình công cộng, bãi đỗ xe ngầm có thể nghiên cứu thiết kế một số lối đi bộ ngầm, đảm bảo kết nối thuận tiện không gian trên, dưới mặt đất.

Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

- Ngoài hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đã được ngầm hóa theo mạng lưới riêng, chạy dọc các tuyến giao thông. Bố trí các tuyến tuynel ngầm tại một số trục chính có lộ giới lớn để đi chung cơ sở hạ tầng đô thị.

- Việc quy hoạch, thiết kế hợp lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật vào các tuynel, hào kỹ thuật ngầm...sẽ đảm bảo cho việc vận hành, duy tu và kiểm soát mở rộng, phát triển trong tương lai.

- Trong quá trình quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm cần có nghiên cứu tổng thể, khớp nối hợp lý giữa các khu vực đã và đang xây dựng, phân kỳ đầu tư để đảm bảo tính khả thi và hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động của các khu vực hiện hữu.

k) Đánh giá môi trường chiến lược và tác động môi trường: Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực.

8. Danh mục ưu tiên đầu tư, nguồn lực để thực hiện và danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch:

a) Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung đô thị, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và kết nối với các khu vực lân cận.

- Các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị, cấp đơn vị ở nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương và nhu cầu an sinh xã hội cho người dân.

- Các công trình nhà ở, thương mại, dịch vụ, tòa nhà hỗn hợp,...

Bên cạnh việc triển khai dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường trọng điểm như đường H; ĐT.295C, đường Lạc Long Quân, đường Âu Cơ, nâng cấp mở rộng đường đê sông Cầu; đường sắt đô thị. Đề xuất một số dự án cần ưu tiên đầu tư xây dựng gồm:

- Các tuyến chính đô thị.

- Cải tạo, mở rộng tuyến đường đê Ngũ Huyện Khê đồng thời với việc cải tạo môi trường nước sông Ngũ Huyện Khê kết nối với phân khu 13 thoát ra sông Cầu.

- Lập các dự án tái định cư phục vụ dự án tuyến đường ĐT.295C và các dự án cải tạo, mở rộng các tuyến đường đi qua khu dân cư cũ.

- Thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang các khu nghĩa trang hiện trạng tại các thôn, xóm, khu phố, khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo môi trường, làm cơ sở quản lý việc mai táng cho người dân.

- Tổ chức các dự án cải tạo làng xóm cũ, giao thông, hạ tầng kỹ thuật trong các khu dân cư cũ kết hợp với đề án mỗi thôn, khu phố một hồ nước, khu vườn hoa, cây xanh, tập luyện thể dục thể thao theo chủ trương của tỉnh.

- Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình giáo dục, văn hóa thể thao, công viên cây xanh, bãi đỗ xe theo tiêu chí cấp phường.

- Thu hút đầu tư phát triển các công trình dịch vụ, thương mại, hỗn hợp cao tầng dọc theo trục đường H, tạo động lực phát triển hạ tầng đô thị, hoàn thành điểm nhấn về không gian cảnh quan của đô thị Bắc Ninh.

b) Nguồn lực thực hiện:

- Nguồn vốn nhà đầu tư, các nguồn viện trợ, đầu tư của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Cải tạo, khai thác hệ thống hạ tầng đô thị hiện hữu, đẩy mạnh khai thác quỹ đất, tài nguyên của địa phương và các nguồn khác để tạo vốn xây dựng hệ thống hạ tầng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp đặc điểm của địa phương và môi trường đầu tư hấp dẫn nhằm thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia vào quá trình xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch.

c) Đề xuất các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong khu quy hoạch:

Hệ thống các công trình giáo dục (trường mầm non, trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, trường trung học phổ thông); Công trình công cộng (y tế, trung tâm văn hóa - thể thao, sân luyện tập); các công trình hạ tầng kỹ thuật; cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật trong các khu dân cư cũ, kết nối ra các tuyến đường phân khu vực xung quanh các làng xóm, khu phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định Hồ sơ QHPK; rà soát, quản lý chất lượng, đóng dấu thẩm định, ban giao, lưu trữ Hồ sơ QHPK kèm theo Quyết định phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện QHPK đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Sở Xây dựng, UBND thành phố Bắc Ninh phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan triển khai các bước tiếp theo đảm bảo các quy định của pháp luật; UBND thành phố Bắc Ninh phối hợp chỉ đạo UBND các phường: Hòa Long, Vạn An, Kinh Bắc, Vũ Ninh, Thị Cầu, Đáp Cầu tổ chức công bố, công khai QHPK chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt; tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo QHPK.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND thành phố Bắc Ninh, UBND các phường: Hòa Long, Vạn An, Kinh Bắc, Vũ Ninh, Thị Cầu, Đáp Cầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Th ủy Bắc Ninh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTTH, TNMT;
- lưu: XDCB, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Đào Quang Khải